

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
 Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
 Quản-lý : Cung-đình-Bình

Chánh chủ-bút: Phan-chung-Thứ
 Sư cụ chùa Bằng-Sở
 Phó chủ-bút: Dương-vân-Hiền
 Sư cụ chùa Tế-Cát

GIA BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm. 0\$80. Mỗi số 0\$07.

HÁN-VIỆT TỰ-ĐIỂN

Quý danh các vị đã đặt tiền :

Kiều-hữu-BaM Đ.	036265-005	8.00
Lê-văn-Đại	N. 35588-126	8.30
Nguyễn-liên-Sanh	35536-079	8.00
Đặng-văn-Tám	35565-129	16.00
Ngô-dơn-Quế	35577-192	7.00
Dương-chiều-Anh	35699-112	8.50
Đàm-Thanh	36264-013	7.00
Đặng-ngọc-Sách	Huế 036292-031	8.00
Nguyễn-văn-Kim	Soctrang 035714-081	7.00
Đỗ-văn-Bích	Hưng-yên	7.00

Đồng kỹ nghĩa là đóng bìa carton thôi, không có mạ vàng lên vào giấy, vị nào muốn mạ vàng phải thêm 0.80 nữa.

CUỘC XỔ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

Hôm 4 Aout, tại hội-quán hội Cựu-chiến-binh đã xổ số Đông Dương bộ B kỷ phát hành thứ hai năm 1941.

Kết quả những số trúng như sau này :

Trúng 10p Những vé số có 2 con số sau cùng là : 34 49 17.

Trúng 15p Những vé số có 3 con số sau cùng là :

064 633 344 013

Trúng 20p Những vé số có 3 con số sau cùng là : 501

Trúng 50p Những vé số có 4 con số sau cùng là :

1849 6357 0663 4883 3560

Trúng 100p 5389.

Trúng 500p 094.144 070.233 045.153 231.763 298.173

196.900 019.940 203.066 229.826 272.423.

Trúng 1000p. 167.941 066.288 034.905 182.974 177.622.

Trúng 10.000

179.654

ĐẠO BÁT-CHÍNH

Đạo Bát-Chính là một phương pháp để truyền vận người từ cõi giả dối, khổ não về nơi chân-chính yên vui; hay gọi là Bát-thánh đạo (八聖道) cũng là một phương pháp truyền vận người từ cõi phàm-phu mê muội, về cảnh Phật Thánh giác ngộ. Vì như con đường hay con thuyền, truyền vận người bị nạn thoát khỏi cái bề khổ ngu si sinh tử đến chỗ yên vui giác ngộ.

Chư Phật đã làm trọn vẹn đạo này rồi, ngày nay các ngài có phân-thân cảm ứng với thế-gian cũng vẫn hợp với đạo này; chư Thánh cũng đương làm đạo này; chúng ta là người làm theo cái đạo này tất nhiên phải cùng nhau hiểu cho rõ ràng thế nào là đạo chính đạo là, đạo Thánh đạo ma mới được. Vì có tám điều chân chính cho nên gọi là Đạo-bát-chính:

- | | |
|---------------------|----------------------|
| 1-) Chính-tri-kiến, | 2-) Chính-tư-duy. |
| 3-) Chính-ngữ | 4-) Chính-nghiệp. |
| 5-) Chính-mạnh. | 6-) Chính-linh-liễn. |
| 7-) Chính-niệm. | 8-) Chính-định. |

I. Chính-tri-kiến

Tức là sự thấy biết chân-chính, hay là sự tin ngưỡng chân chính. Biết hay là tin có hai phép; một là biết tin bằng phép hiện-lượng, như là mở mắt thấy sang, nhắm mắt thấy tối sờ vào lửa thấy nóng, sờ vào băng thấy lạnh; hai là tin ngưỡng bằng cách so lường chân chính, như là trông thấy quả cam, mà không trông thấy hạt giống của nó khi xưa, nhưng cũng tin chắc là bởi có hạt giống, bởi có nhân-duyên giả hợp mà có, chứ không phải tự nhiên mà có quả cam; lại như mình tuy chưa chết, nhưng thấy người ai cũng sinh già rồi chết, thì tin chắc rằng tương-lai ta cũng sẽ chết. Ấy

biết như thế. tin như thế là chính-tri-kiến, hay là chính tin; trái lại thì gọi là mê-tin.

Chính-tri-kiến là con đường quan trọng chung cho tất cả thế-gian, và là kim chỉ phương hướng cho người tu vượt bề ngu si sinh-tử, và là mẹ đẻ ra muôn vạn công năng đức tính thần diệu. Nếu tin biết sai lầm, thì tu hành dù có cực công đến đâu chẳng nữa cũng lạc vào ma đạo, tóng phái có đống đức, đồ phái có thống hệ chẳng nữa cũng là một lũ không có mắt; khác nào như con thuyền vượt bề dù bời có khỏe, nhưng không có lái, không biết phương hướng thì tránh sao khỏi giông tố gặp ghềnh mà trầm ngâm nơi đáy nước

Sự chính tin cũng có nóng, có xấu, cho nên trong Phật pháp chia ra làm đến mấy mươi bậc tin; nếu người tu hành chưa đủ trí giải quyết được mọi lẽ nghi ngờ về phần « lý », thì chớ nên kiêu căng tự đủ mà bỏ học hỏi khai diễn; có người cũng tin cũng mộ, nhưng gặp cảnh tài sắc danh lợi, thì lại sinh lòng đam mê hưởng thụ; hay là gặp sự gì không giải quyết được, liền sinh ra hồ nghi mà phỉ báng lại, hay là cảnh ma quỷ nó làm cho lầm lạc ngã lòng; hay mới hiểu được một sự lạ thường đã tưởng mình là thánh, rồi sinh ra kiêu mạn mà sa đạo.

Ấy sự tin ngưỡng quan hệ như thế, cho nên trong kinh Lăng-Nghiêm có chép lời Phật răn rằng: « Nếu muốn giải-thoát sinh-tử, cầu quả-Niết-bàn thường-trụ thì phải biết cái gì là nguyên nhân sinh-tử, cái gì là nguyên nhân thường-trụ; thế nào là nhờ Phật thuyết, thế nào là lời ma thuyết; thế nào là thánh-cảnh, thế nào là ma cảnh, thì mới khỏi mắc vào cái nạn thien ma đạo ». Chớ nên biết ít đã cho là đủ; mà cũng chỉ học trong các kinh điển của Phật-giáo cũng đã biết được những đại cương yếu lý của tà đạo; vì rằng trong kinh Phật, hoàn toàn là phá tà hiển chính; đấng Nhất-thiết-

tri, ngoài không bỏ sót một tà thuyết nào là không phá, vì rằng nhân - thiên - thừa của Phật giáo cũng có mười điều thiện, nhưng tôn chỉ khác hẳn, nghĩa là một phép phương tiện dấy dần cho người ta theo làm đạo an lạc hoà bình, tự chủ chính tín; cho nên « giới sát sinh » để trừ tuyệt cái mầm binh - đao, thì mới được an lạc hoà bình, lại bảo cho phải tin hạp phước đều bởi bản mình tự tạo, nhân quả báo ứng như bóng theo hình; chứ không phải ai có đức quyền vô cớ thường phạt mình, để trừ tuyệt cái mầm tà kiến mê tín, mà tự chủ tự lập, mới tránh khỏi cái khổ ác đạo A-tỳ. Còn như sự ăn chay là vì sự giới sát mà đặt ra, chứ không phải vì điển tịch khác; cho nên răn cấm cả sự sát hại những loài sâu bọ rất nhỏ nữa, Phật nói dùng phép phương tiện là để đưa dần người ta vào con đường chính-kiến an lạc, thì mới gọi được là phương tiện; chứ nếu lại dẫn vào đường tà kiến khổn khổ thì không gọi là phương-tiện được.

Chúng ta học đạo cũng phải biết chỗ sai biệt rồi mới biết đến chỗ bình-đẳng, là cốt để « kiến hòa đồng giải », để tránh khỏi sự nhầm nhệt mà thôi, chứ không phải là hiểu danh tranh thắng chia rẽ cái lòng từ-bi bác-ái.

Vậy nay xin phân biện tà-tri-kiến và chính-tri-kiến như sau này :

Tà tri-kiến là tin bói toán, tướng số, địa-lý, cầu thần vái quỷ, tin thuyết trảng sinh bất tử, tin thế gian là thường còn, tin lý thuyết cho chết là hết không có đời sau.

Chính tri-kiến là tin thế gian vô-thường, hết thầy đều bởi nhân-duyên giả hợp, như hoa không, như mộng cảnh; tin tam-giới duy-tâm tự-tạo, tin vạn-pháp duy thức biến-hiện; tin Niết-bàn là chân-thường an-lạc, tự-tại, thanh-tịnh; tin lý nhân-quả cảm-ứng như vang theo tiếng, như bóng theo hình; tin hết thầy chúng-sinh đều có Phật tính sáng thiêng thông suốt bao la khắp đây, thường còn chẳng mất; dung hòa lẫn nhau như

một (不異), mà chẳng phải là một (不一). Vì như ánh sáng của các ngọn đèn dung hòa lẫn nhau vậy ; chứ Phật tu lĩnh trước thì chứng nhận được Phật lĩnh trước thì thành Phật trước ; còn chúng ta tu lĩnh sau thì thành Phật sau ; nếu ai không tự tu thì vñh kiếp trăm luân, chứ không ai ăn hộ cho ai no được. Tin như thế là chính-tín.

II. Chính tư duy

Chính-tư-duy là tư tưởng suy xét nghĩ ngợi cho chân chính nếu suy nghĩ sai lầm thì dù có thông minh, tài trí đến đâu cũng là ma đạo. Vậy xin phân biệt tà chính như sau này :

Tà tư duy, là suy nghĩ sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm vị ngon, dục lạc, danh vị vinh hoa để mà đam mê hưởng thụ ; suy nghĩ báo thù kết oán, suy nghĩ hối tiếc những sự dục-lạc đã lỡ thời ; suy nghĩ thân cận với người phú quý để cầu vinh, thấy kẻ đối địch với mình bị tai họa thì mừng thầm ; thấy kẻ hơn mình thì ghen ghét ; thấy kẻ kém mình thì kiêu mạn ; thấy muốn vật khờ sở thì cho là không can thiệp đến mình. Như thế là tưởng lầm nghĩ lầm.

Chính tư duy, là dỏi thì nghĩ ăn, rét thì nghĩ mặc, ốm thì nghĩ chữa, suy xét thế gian là vô thường, khổ không, bất tịnh ; cái thân ta đây sinh, già, ốm chết, thấp thoáng như ngọn đèn trước gió, giả hợp như mộng huyễn, cảm thụ biết bao nhiêu sự đau khổ hão huyền, mừng rỡ hão huyền mà vẫn tưởng như là thực của ta ; muốn trẻ thì nó cứ già, muốn khỏe thì nó cứ ốm, muốn sống thì nó cứ chết, muốn đoàn tụ thì cứ phải phân ly, muốn tránh lắng thì lại phải gặp gỡ ; không có một gì nào là tự chủ ; Suy xét đến cái tính « linh tri » của mình chong lạng rỗng suốt như hư không, bao la hết thảy, không sinh không diệt, nay vì mê muội mà ngưng kết bó buộc vào một vật một chỗ, không còn một chút gì tự tại diêu-dụng cả. Lại suy nghĩ muốn sự muốn vật vốn là hư huyễn, vốn là vô-sinh, chỉ vì mình mê lầm,

nhận lấy làm cảnh sở - thụ có thực đề mà hưởng thụ, thành tập khi quen đi như người nghiện; rồi cứ kể nghiệp mà luân hồi tiếp-tục mãi, cho chí ngày nay không phút nào là không hưởng thụ không kết chặt lấy sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vậy nay ta muốn khỏi mê mà trở lại nguồn diệu-giác, thì chỉ có một cách là vẫn phải tùy duyên cảm ứng với mọi việc, nhưng không mê chấp cảnh vật là cái cảnh hưởng thụ thật, mà khởi ra cái tình hưởng-thụ nữa, mới là « chính thụ », mới là yên vui đầy đủ, mới là không chướng ngại, mới là giác-ngộ giải-thoát vĩnh viễn.

Lại suy nghĩ chúng-sinh khổ vô-biên thê cứu độ mãi; phiền não vô tận, thê đoạn trừ hết; phương pháp thậm thâm vi-diệu thê học tập đầy đủ; ngôi Phật đầy đủ mọi công-năng diệu dụng không còn gì hơn, thê tu cho thành tựu. Cứu độ chúng sinh đây, thực ra cũng là báo đền ân nghĩa của chúng sinh từ vô thủy kiếp; và chẳng nêu cầu nhân tức là khởi tình « hưởng thụ » còn chướng-ngại chưa có tự-tại diệu-dụng, mà cũng là tự chúng sinh phải tự-tu tự-độ, chứ chẳng phải ăn hộ cho chúng sinh no được. Cả đến cái tướng chúng-sinh vốn là hư huyễn, chàn tính thì vốn là bình đẳng, chỉ vì tự tính mê lầm của mình phân biệt biến hiện ra có khác đây thôi; có khi mình gặp chư Phật chư Thánh, thân diệu-sắc quang minh, mà mình cũng tưởng là người đi ăn xin; cũng như người vô phúc gặp vàng ngọc tưởng là sắt đá.

Đoạn trừ phiền não cũng là đoạn trừ cái tình mê lầm phân biệt của tự tính mình, chứ thực ra muốn pháp vốn là vô-sinh, vốn là bình-đẳng, không có phiền-não, không có nhiễm-tịnh, chỉ vì mê lầm mà khởi ra tựa như có thực.

Học các pháp môn phương-tiện đây cũng là học lấy cái công-năng diệu-dụng như-huyễn như hóa của mình; chứ thực chẳng có pháp gì ngoài tự tính mình cả.

Thành Phật đây cũng là thành-tựu cái công-năng đức

tính thần-diệu vốn mình sẵn có, bỏ quyền vui lấp đi lâu ngày lại nhận được, chứ chẳng phải được cái vật gì khác : tức là đương mê được tỉnh ngộ, không bị nhầm nữa. Ấy xuy xét như thế là chính-tư-duy, là « ý nghiệp thanh-tịnh ».

III, Chính ngữ

Chính ngữ là miệng nói chân chính, người ta ở đời mắc phải cái vạ báo lớn, phần nhiều cũng bởi miệng ; như một người công nhiên nói rằng : « Loài người giết loài vật mà ăn thịt là phải đạo lý. Ấy vì cái vạ miệng ấy mà khiến cho thiên hạ lầm than, muốn vật khổ sở lây, tội không còn gì nặng hơn. Vậy nên phân biệt tà chính như sau này :

Tà ngữ, là nói không đúng với đạo lý, có phương hại cho chúng sinh cả về đời hiện-tại và đời tương-lai ; nói khen mình trê người, nói khôn khéo để che đậy những sự lỗi của mình, nói siểm trá để lừa đảo, nói thô tục độc ác ; nói những câu có ý vị dèm chê ghen ghét những người đã làm được một niệm, dương làm, sắp làm hợp với Kinh, luật, hợp với công đức chư Phật chư thánh ; nói những việc không quan thiết đến bản phận và không lợi ích cho người nghe.

Chính ngữ, là nói đúng với chân lý, có phương tiện lợi-ích cho chúng sinh cả đời hiện-tại và vị-lai được vui vẻ, được sinh thiện, diệt ác, được giác ngộ. Như là giảng Kinh thuyết-pháp, tụng kinh trì chú niệm Phật, tán thán công đức Tam-bảo, an ủi kẻ đau khổ, nói lẽ độ với mọi người, nói giảng hòa bãi-chiến, nói giải oan cởi thù. Nói như thế là « Khẩu nghiệp thanh tịnh ».

IV. Chính nghiệp

Chính nghiệp là dùng cái thân mình mà làm những việc chân chính và không làm những việc tà nghiệp sau này :

Tà nghiệp, là dùng thân để giết dóc đánh đập nỡ hại chúng sinh, trộm cắp lừa đảo, lấn đoạt quyền lợi

của chúng-sinh, dâm-ô phóng-đăng, đăm mê hưởng-thụ sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, cảm xúc khoái lạc, thích dùng thịt da xương lông chúng sinh.

Chính nghiệp. là dùng cái thân mình mà cứu tai lướt nạn, hoằng-pháp độ-sinh, bố-thí cúng-dàng, kính lễ Tam-bảo, phụng sự sư trưởng phụ mẫu, tọa-thuyền an-cư hành-đạo. Như thế là « thân nghiệp thanh-tịnh »

V. Chính mạnh

Chính mạnh là nuôi thân bằng cách chân chính để hành đạo và phải lánh những việc tà-mạnh như sau này:

Tà mạnh. là cậy bừa để hại đến sinh mạng chúng sinh, cầu đảo quỷ thần, xem tướng bói số, để mả yếm bùa mồi lái buôn bán chẻ tạo cạnh tranh với xã hội để lấy lợi cung nuôi cái thân bất-tịnh.

Chính mạnh. là hành hóa khất thực, tu học an cư một chỗ, nhận của tư cấp; làm việc hoằng pháp lợi-sinh, nhận của tư dưỡng của giáo hữu, để bồi dưỡng cho cái sắc thân khỏi ốm yếu mà hành đạo.

Đối với điều mục này, chắc có nhiều người chưa đủ thiện-căn phúc-đức nhân duyên mà tin nổi cái lý « nhất thiết duy tâm tạo, vạn pháp duy thức biến hiện » phải hỏi rằng: « Nếu đã gọi là chính-đạo, thì vì như con đường công ai đi cũng được, thì mới là chính đạo, chứ chỉ để riêng cho một số ít người đi được thôi; nếu hết thầy mọi người cùng đi thì không được, sao còn gọi là chính đạo? Cứ như cái thuyết « khất thực » trên này thì chỉ để riêng cho mấy người xuất-gia làm được thôi; nếu cả thế-giới không cấy cấy nữa thì lấy đâu thóc gạo mà ăn mà tu hành »?

Xin đáp rằng: hết thầy cảnh vật thế-gian đều bởi đồng-nghiệp thức-tâm chúng-sinh cùng tạo ra cùng biến hiện ra, mà chúng-sinh không tự biết. ô tô, đèn điện vốn không có, lầu bay tạc đạn vốn không có, hệ tâm niệm của chúng sinh cầu đến và tạo tác ra thì sẽ có cả. Chúng sinh tạo cái nghiệp sắc thịt phải ăn thì

nó hiện ra cho có cái thân sắc thịt ; có lúa có gạo tự nghiệp - lực chung mà mọc ra : chỉ vì tham lam lười biếng, hái một bận để dành ăn hai ba bốn bữa, cho nên cắt cùi đi không mọc được, phải chia ruộng đất mà giồng cấy ; nếu tạo nghiệp sắc thân, thì thân sắc thịt sẽ tiêu diệt đi mà hiện ra thân sắc chất quang minh như thân chư Thiên ở cõi giới Sắc-giới ; mà hưởng thụ bằng phép Thiên-định (天食) ; nếu tạo nghiệp pháp-thân vô-biên, thì sẽ có món ăn pháp-lạc sung mãn. Chỉ lo hết thầy thế-gian không đồng thời làm cả được mà thôi, chứ hết thầy thế-gian cùng xuất-gia, cũng không phải đời, chớ nên nghi ngờ cái tính thiêng liêng thần diệu của mình, có thể biến-hiện cho mình an lạc phú túc được, mà bỏ quên mất mà phải chịu vô cùng khổ não.

VI. Chính tinh tiến

Chính tinh tiến là chăm chỉ chuyên cần làm đạo cho kết quả viên mãn, người tu đạo đã biết thế-gian là vô thường giả dối, là bề khổ, mà mạnh người như ngọn đèn trước gió ; nhờ có bao nhiêu công đức nhân duyên mới được làm thân người, mới được gặp chính-pháp, nếu một ngày tu mười ngày nghỉ, thì kiếp nào cho kết quả, phút chốc mất thân người, bơ vơ sáu ngã, biết thác sinh vào đâu, biết có gặp được chính-pháp mà tin nữa không ; vả lại tu đạo như người trèo thuyền ngược nước, không liền lái thoái ; cho nên phải cố sức tinh cần ; nhưng tinh tiến về đường tà thì lại có hại hơn kẻ lười biếng. Vậy phải biết là chính như sau này :

Tà tinh tiến, là chăm chỉ chuyên cần, làm theo tà trí kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạn, tà niệm tà định.

Chính tinh tiến là chăm chỉ chuyên cần làm những việc chính trí kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp chính mạn, chính niệm, chính định.

VII Chính niệm

Chính niệm là phải ghi nhớ chân chính hay là quán

niệm, tưởng niệm chân chính; nếu ù lý như gỗ đá, cũng không phải, mà nghĩ nhớ sáng cũng không phải. Vậy phân biệt là chính như sau này :

Tà niệm là ghi nhớ sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, cảm xúc khoái lạc, danh vị vinh hoa để kích động lòng ham muốn hưởng thụ ; nhớ oán thù xưa nhớ những câu văn chương ca rao có tính cách bại hoại đến đạo lý.

Chính niệm là ghi nhớ tưởng niệm Phật linh Phật-tướng, Phật đức thần diệu, ghi nhớ tưởng niệm danh hiệu chư Phật , ghi nhớ tưởng niệm các pháp vi-diệu ; ghi nhớ công đức vô-lậu của các vị Bồ tát, và chư tăng và ruộng phúc cho thế gian, ta nên tu ; ghi nhớ tưởng niệm danh hiệu, diện mạo các giới sư các đạo sư, các bạn thiện tri-thức ; tưởng niệm đến các giới-phàm chi-ác, lợi sinh, khiến cho lúc nào cũng tỉnh liến ứng hợp với lý-hề bản-nhiên, không phải dụng công tác chỉ mà vẫn ngầm-hợp với đạo thanh-tịnh vô-vi, tưởng niệm ân đức : Tam bảo hướng đạo cho ta, gia-bì cho ta mà báo đền ; tưởng niệm ân nghĩa chư thiên Bồ tát hộ-tri cho ta mọi sự u-ần bất chắc ; tưởng niệm quốc gia xã hội đã đỡ phòng, đã doanh tác cho ta đủ mọi duyên yên ổn mà ta hành ; tưởng niệm ân nghĩa sư trưởng phụ mẫu đã giúp đỡ cho thân mạnh tuệ-mạnh được trưởng thành ; ghi nhớ ân nghĩa giáo-hữu thập-phương đã tư cấp giúp đỡ ta mà báo đền . tưởng niệm đến chúng sinh vô duyên với ta. ta cũng vạn vô duyên từ mà cứu độ ; tuy ta tùy-duyên tưởng-niệm cảm ứng với muôn niệm như thế nhưng mà ta lại niệm xả ly ngay, chớ không lưu luyện cái tướng năng niệm và sở-niệm và niệm cho chi thì xã các cảnh sở-thụ khiến cho tâm thường được sáng tỉnh yên lặng. Như thế gọi là chính niệm.

VIII Chính định

Phép chính-định rất vi-lẽ, rất khó, chúng ta còn phải kinh nghiệm, còn phải cầu minh-sư khai-thị cho và tưởng

niệm chư Phật chư Bồ-tát mặt-thị cho, thì sự làm mới
rẽ và hoàn hảo được.

Nguyên vì giác-tỉnh của mình, vì như bề nước, nếu
lặng không có sóng gió thì vật gì qua lại cũng hiện rõ
ràng ; vì mình mê khởi ra gió vô-minh làm cho bề giác
nổi sóng, cái chiếu-tỉnh của bề-giác biến mất đi thành ra
ngu si, thấy biết sai lầm, cho nên không được tự-tại
giải-thoát.

Vậy nay muốn cho bề giác-tỉnh được yên định, được
sáng suốt chong lặng ; thì cốt yếu trước nhất là phải
dùng trí khai-giải, nhận quyết định lấy bản-thể giác-
tỉnh vốn sáng thiêng chong lặng rộng suốt bao la khắp
hết thấy cảnh-tướng đối-đãi ; mà muốn pháp vốn là
vắng lặng, vốn là vô-sinh, vốn là không có cảnh tượng
sở-thụ ; sau mới đoạn trừ cái tập-khí hưởng-thụ đi,
không hưởng-thụ hết thấy mọi cảnh tượng thế-gian cho
chỉ xuất-thế-gian nữa, tức là không mê, tức là chính-
thụ, chính-định, không còn có sóng gió nữa. Nếu chưa
giữ ngộ được là tâm bản-không, cảnh bản-tịch thì cái
định cũng là phép tạm lấy đá đè cỏ, cái căn bản nó
vẫn còn thì nó lại tìm đường mọc ra xung quanh. Nhưng
ta còn bị chướng-thâm tuệ-thiền chưa làm được phép
thực-giáo, thì cũng vẫn phải tạm làm phép quyền-giáo.

Cho nên định có phép quyền phép thực, có phép chính,
phép tà.

Tà định là vận khí luyện đan, hay là ngồi ngày
không tưởng gì, như cây gỗ.

Chính định là dụng tâm chuyên chú vào một cảnh
mà quán-tướng, như là phép quán tướng-giả, quán thể
không, quán bất-lịnh, quán nhân-duyên, quán niệm Phật
quán hơi thở, v. v. ; còn phép viên-thực đại-định thì
phải trừ bỏ cái tâm phân-biệt suy xét đi, mà dùng
căn-linh phản-chiếu lại bản-thể giác-tỉnh vô-biên ; tức
như là phép dùng nhĩ-căn lắng nghe trở về bản-thể giác
tỉnh, không hề phân biệt suy xét, không hề vin níu
vào cảnh động cảnh tĩnh, lúc nào cũng tĩnh và yên lặng ;

một mực chuyên chú. khi đi khi đứng, khi nằm khi ngồi, không để cho cách đoạn mới được ; hay là vừa niệm Phật, vừa trì chú vừa phả quán cũng được ; cứ thế lững tiến mãi cho đến khi nào thuần thục, không phải dụng công nhập-định mà vẫn an-định ; sáu căn nhanh lẹnh, không tham nhiễm với sáu trần nữa, rồi mới được dung hòa làm một; bấy giờ sẽ dùng mùi-mà người mà trông cũng được, dùng mắt mà nghe mà nếm cũng được; bề viên-giác yên lặng hiện tiền, quang minh vẫn biến chiếu khắp mọi nơi, vẫn tùy-duyên cảm-ứng với thế gian mà vẫn tự-tại giải-thoát, không hề quái-ngại, không hề khởi ra cái tính hưởng-thụ ; thế mới là diệu-thường an-lạc, đại-tự-tại-ngã.

Nếu chúng ta thừa hành được đạo Bát chính này trọn vẹn, thì chẳng những chúng ta thoát khỏi cảnh ngu, si sinh tử, mà lại có công-năng ra vào nơi sinh tử, để cứu độ chúng-sinh được tự-tại diệu-dụng như hư không. Vậy bất cứ là người tu tự giác, hay kiêm-lu giác tha bất cứ là người tu bằng cách xuất-gia, hay tu bằng cách tại-gia chỉ tùy duyên thay đổi sự tướng, chứ không trái với tinh thần đạo này được ; cho cả đến người muốn hưởng phúc báo cõi người cõi giới, nếu trái ngược với đạo này tức là làm theo tâm là đạo đã kể trên kia, thì không tránh khỏi cái khổ địa-ngục, ngã-quỷ, súc-si-h ; nếu có được tâm người cũng không thoát cái nạn binh-đao, cơ-cận, tật-dịch.

Vậy mong rằng hết thầy ai ai cũng hiểu đạo Bát chính cho rõ, là n cho tinh-chuyên, truyền bá cho rộng khắp, thì công đức vô lượng, dù có biện-tài đến bậc Nhất thiết-trí cũng không kể hết.

TÂM-ẤN



PHẬT LUẬT HỌC

(Tiếp theo số 157)

Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn làm-lụng sinh-nhai, nào là giồng cấy các thứ cây cối là một chỗ của quý thần tựa nương, nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn lập cách soay-sở đề mưu cầu mối lợi, sắm những đường sập tốt đẹp to lớn, trạm khảm lèo lá các thứ ngọc ngà hoặc những chần đệm thảm lót sang trọng, toàn bằng đồ vóc nhiều mạng thêu; nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn đồ tín-thí của người ta, mà lại còn loang-toảng cầu-cạnh sự đốm-dáng vuốt-ve, nào là đánh bôi phấn sáp, soa vẩy nước hoa, dầu thơm vuốt tóc, tô mặt vẽ mây, sửa mặt nhuộm môi, má hồng đỏ trót, soi gương chải chuốt, cài dắt đồ hoa, đeo hạt đeo dây, đeo vòng nhẫn xuyên, quần áo bảnh chọe, toàn thứ đắt tiền, dày dệp da trơn, các màu bóng lộn, trang sức sùng-sinh, bộ cánh sênli sang, bao kiểm túi doi, kẻ hầu hạ lấp-nập, lại sắm se cộ, thượng hảo nón ô, tóm lại là hết thảy các thứ đồ chơi đồ thường ngoạn, nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn chỉ chơi bời lu bù, như là cờ bạc, các món mua vui; nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn tha tâm, hằng ngày đọc nói những truyện lãng-nhăng, vô ích chướng đạo, như bàn sự ăn uống mặc vận,

sự cử động hay giờ, đi đứng nằm ngồi, tán tỉnh giai gái, nhân-tình nhân-ngãi, hoặc bàn việc dân việc nước, việc quân mã giặc-giã đánh nhau, việc chính-phủ triều-đình vua quan tốt xấu, và nói họ háng quen thuộc kẻ thế này người thế nọ, hết thầy truyện nhảm; nếu tu vào giáo pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn rở ngón nghề-sống kiếm ăn, nào là luôn cúi nịnh nọt, khéo léo truyện trò, lại ra mặt ta đây, mà chỉ trách kẻ kia người khác, bày ra vô số phương-kế như thế để hòng lợi-dưỡng, nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn giữ thói hung-đồ đánh cãi lẫn nhau, xấu bụng bêu nhau: mắng thì ngu lảm, các thứ Kinh Luật, chẳng biết tí gì, tu hành lộn bậy, có nhận được con đường-Chính bằng như ta đâu, ta đã nhẫn mà mày cứ làm giả, mày ăn nói liều không có hân-hoi lý-thú, ngay bây giờ giả một người ngờ vực câu gì, đến đây hỏi ta, ta đáp được hết, còn mày thì đã được như thế chưa; thế rồi nhân đấy thị tài, đặt lại các sách vở, đảo ngược thiên chương, đem câu đầu dặt xuống câu cuối, nhắc mạch dưới kéo lên trên, khiến cho văn lý bị rối như tơ vò; nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn cạy cục đi làm như một chân chạy giầy, hoặc vì người tục, ngoại-đạo, vua quan, mà đem việc thông tin đi lại, hoặc tự làm hoặc dạy người, nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng đã ăn dùng đồ

tín-thí của người ta, mà lại còn hiểu những trò đời, như chơi chọi gà, chọi chim, chọi trâu, đấu tượng các giống cầm thú, hoặc xem con giai hay con gái đánh vật, hoặc hòa âm nhạc đàn hát nhảy múa diễn các tấn trò, và thích tập võ đánh bốc đấu quyền, theo dõi cung tên hoa đao ngoáy trượng cách dạy hành-binh. lối bày trận thế, hết đều kỳ-cục xem ngày học đêm; nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn trái lại làm liều trượng ngại cho đạo, như xem tướng cho người, hoặc đoán mộng lành dữ, ngắm nghĩa các loài vật nuôi, để nghiệm vật cho mọi điềm hay giờ, quay quắt kiếm mồi điều do một thói nghề sống sinh-hoạt; nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà cũng rõ nghề sống làm điều vu-hoặc, lên đồng lên bóng, phụ luyện hát chầu, hò triệu quý-thần, sai bắt tá ma, hoặc khu trừ hoặc giam giữ, hoặc vẽ bùa yểm đảo, hoặc dùng chước lạ thị uy, hoặc đem yêu-thuật hãm hại người ta, làm phép đọc chú, khiến người tự rung hóa ra súc vật, hoặc làm cho ốm hoặc hiện hình ma quái, nương tượng chấp chờn, lúc tụ lúc tán, khi cho được vui khi hành hạ khổ, lập lờ. che mắt xuất quỷ nhập thần phép chữa an thái, phép kháo ngoài áo, rở ra lấm cách rùng rợn lòng người, cốt dọa dẫm sảng để tảo mọi lợi; hoặc lại có kẻ chỉ tác-tướng ra các lối khờ-hạnh, song tụ-chung thì chỉ thuần là mua chuộc giả danh; nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy? Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của

người ta, mà lại còn giữ nghề sảng, làm các phép ngoại, sai luyện bùa bèn, hoặc dùng môn ngoại, xem bói xem số, làm thuốc chích tiêm, nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn giữ nghề sảng, đọc tụng các sách vở tạp nhạp, hết thầy những phương-pháp ở ngoài, nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ăn dùng đồ tín-thí của người ta, mà lại còn giữ nghề sảng, xem những thiên-văn địa-lý, nghiệm đoán chiều giờ, yên nhón gió mưa, trông mặt giới giăng sao, nói sự điềm lành dở dữ, nếu tu vào giáo-pháp của ta thì không có làm như vậy. Lại thấy có hạng, đã ấu đồ tín-thí của người ta; mà lại còn giữ nghề sảng, quanh ngày suốt tháng chỉ hằng bàn tán những việc không đầu, như chuyện các nước, hoặc họ đánh nhau, nước này muốn được, nước kia thường thua, đảng ấy thắng thế, phe nọ bại rồi, rồi chỉ tò mò đi khảo những thời-cực thịnh-suy còn mất của các quốc-quân đem nói chuyện, nếu tu vào giáo-pháp của ta thì cấm tuyệt không có những sự như thế đó,

(còn nữa)

Tôi tu Tịnh-độ

(Tiếp theo số 156)

Trong cõi Tây-phương Cực-lạc (nh) không có đàn bà con gái nào, ở cõi đời chúng ta đây, ai là đàn bà con gái, cũng phải chịu cái khổ đẻ con cái, chứ ở Tây-phương Cực-lạc thì chẳng làm gì có sự khổ ấy, vì rằng đàn bà con gái ở cõi đời ta, ai tu nên công, được tới cõi Tây-phương Cực-lạc, cũng tự nhiên biến ra con trai hết. Sở dĩ mọi người ở cõi đời chúng ta làm nên sự ác, trở nên người ác, chẳng qua chỉ vì

sự tiền tài và sắc đẹp. Ở trong cõi Tây-phương Cực-lạc thì đã không có một người con gái nào, nên tâm lòng đắm không bởi dàu mà nảy ra được, còn đến tiền tài thì chẳng dùng làm gì được, vì rằng ở cõi đời Tây-phương Cực-lạc, muốn ăn gì có thứ ấy, muốn mặc gì có áo ấy, còn dùng tiền làm gì nữa. Và lại suốt trong cõi đời ấy, cái gì cũng là các thứ châu, ngọc vàng bạc quý báu sinh ra, nào cây báu, lưới báu, ao chuôm báu, hoa sen báu, trông lóa cả mắt, còn kể chi tiền vói của nữa. Đã không dùng gì đến tiền tài thì tự nhiên không như mọi người trên cõi đời chúng ta, chỉ vì tranh cướp tiền tài mà gây nên bao sự tàn ác. Và lại những người ở trong cõi đời Tây-phương Cực-lạc, dẫn đến hạng bét (1) nhất cũng đều là người rất thiện, đã rũ sạch không còn một chút phiền não nào kia. Những sự nghĩ và sự làm của những người ấy hoàn toàn là những đạo lý giới (2) 戒 định 定 tuệ 慧 rất thâm thúy. Chúng ta đã được cùng vói các người rất thiện ấy ngày ngày gần gũi, không nghe một câu nói ác, không gần một người nào ác, thế thì còn nảy sao được sự nghĩ ác.

(1) Hạng người ở trong cõi đời cực-lạc chia ra chín bậc cứ coi công-dức hơn kém mà định nơi cao thấp :

- | | |
|----------------------------|----------------------------|
| 1. Thượng phẩm thượng sinh | 2. Thượng phẩm trung sinh |
| 3. Thượng phẩm hạ sinh | 4. Trung phẩm thượng sinh. |
| 5. Trung phẩm trung sinh. | 6. Trung phẩm hạ sinh. |
| 7. Hạ phẩm thượng sinh. | 8. Hạ phẩm trung sinh |
| 9. Hạ phẩm hạ sinh. | |

(1) Giới 戒 là tự mình cấm mình, không những không được làm sự ác mà sự nghĩ ác cũng phải cấm tiệt.

Định 定 là một lòng một chí, chuyên tâm niệm Phật, không có nghĩ vơ nghĩ vẩn một cái gì.

Tuệ 慧 là phản đối lại chữ ngu-si. Là hiểu rõ đạo-lý chân-chính, không có nghĩ sằng.

Ba chữ giới, định, tuệ, trong đạo Phật gọi là tam vô-lậu học. Nghĩa là thẳng lối quang minh về nơi chí thiện, không còn sai lạc một chút nào, cũng như cái chén lảnh đựng nước không rõ không thấm đi đâu mất giọt nào.

cùng làm sự ác đề đến nỗi nên người độc ác được nữa ru? Và lại ở đây lại còn có vô số những vị Bồ-tát, so với Phật không kém là bao kia, đều là thầy giỏi, là bạn tốt của chúng ta. Ngày ngày chúng ta nghe Phật và các vị Bồ-tát giảng dẫn phép Phật, tự nhiên mỗi ngày một khác, mỗi ngày một hơn, tự nhiên dần dần tu tới cõi Phật vậy. Và lại con mắt chúng ta trông thấy các vị Phật, Bồ-tát và la-hán ở trong các chùa; đó chẳng qua chỉ là pho tượng sơn thiếp, chứ các vị Phật, Bồ-tát và La-hán ở cõi Cực-lạc thì đều là sống cả, là có thực cả kia. Chúng ta được thành công, được đến cõi tây phương cực-lạc, thì sẽ được cùng với các Phật sống, Bồ-tát sống, La-hán sống ngày ngày vui thú kia. Cái vui thú ấy, trừ cõi Cực-lạc ra còn đâu có nữa không? Chúng ta xem thế lẽ nào mà không cố tu cho được tới cõi Cực-lạc ư? Và lại chúng ta mà tu được tới cõi Cực-lạc thì cái thần-thông của chúng ta còn cao mãi lên kia. Điều thứ nhất như sức mắt của chúng ta đây, bắt quá chỉ coi xa được mấy dặm thôi, nếu có một bức tường, vách hay một tờ giấy dán chặn tia sáng của mắt chúng ta, hay là đến lúc đêm tối tăm, không có bóng sáng thì chẳng còn nhìn thấy gì nữa, mà đến cõi đời Cực-lạc thì bất cứ ngày đêm lúc nào cũng sáng sủa, không có tối tăm, ngày đêm như một, chẳng khác gì nhau, chỉ coi lúc hoa sen nở cùng hoa sen rụng là biết là ngày là đêm thôi, dẫu xa cho đến mấy mươi ngàn dặm, mấy nghìn muôn cõi đời nữa, dù cho bao nhiêu núi cao rừng rậm chặn khuất nữa, cũng đều trông thấu cả, cho đến với rất tối tăm nữa cũng là coi thấy rành rọt, thử hỏi ở cõi đời chúng ta có thể được không? Như thế gọi là thiên nhãn thông 天眼通. Điều thứ hai như sức tai chúng ta, bắt quá chỉ nghe rõ các tiếng gần, nếu xa một chút, thì không nghe rõ được nữa, đến cõi Cực-lạc thì chẳng kể là bao, dù xa đến mấy nghìn muôn dặm, ngay đến trong cõi đời chúng ta đây có một tiếng gì hơi động cũng nghe thấy tỏ tường, như thế gọi là thiên nhĩ thông 天耳通. Điều thứ ba là sức nghĩ của cái tâm ý chúng ta, chỉ mình nghĩ gì thì biết đó thôi, chứ đến sự nghĩ của người ngoài, dù thân tín đến như cha mẹ anh em vợ chồng, cho thân đến đâu, tốt đến đâu nữa, cũng không thể hiểu được, đến

cõi Cực-lạc thì ai nghĩ cái gì, mình cũng biết hết, và lại bất cứ sách gì không cần phải học cũng hiểu hết các sự tinh và đạo-lý ở trong sách ấy. dù người không biết chữ nữa cũng hiểu được hết, như thế ấy gọi là Tha-tâm-thông 他心通.

Điều thứ tư là những sự đã qua của mình, chỉ có thể nhớ được những sự từ khi năm sáu tuổi giờ đi thôi, còn các sự lúc còn bé tí thì không sao nhớ được nữa, đến cõi Cực-lạc thì không những hiểu được sự tinh suốt đời, lại biết cả tới các sự mười đời về trước, ngay đến các sự về mấy muôn đời về trước cũng nhớ rõ kia, như thế gọi là túc-mệnh-thông 宿命 - . Điều thứ năm là sức chân của chúng ta, cho người rất khỏe nữa, thường đi bộ quen nữa, một ngày cũng chỉ chạy được độ trăm dặm thôi, chứ cõi Cực-lạc thì không đây một phút đã khắp các cõi đời mà chẳng nhọc gì đến sức, chẳng có cái gì là phiền là khổ cả. Như chúng ta đây mà gặp những núi núi cao rừng rậm, bề rộng sông sâu, hay là mira to gió lớn, tuyết phủ sương pha thì không thể đi được nữa, chứ đến cõi Cực-lạc, làm người ở cõi Cực lạc, thì ý muốn đến đâu là lập tức tới đấy, chẳng có cái gì ngăn cản được lại, khoan khoái lạ lùng, thế có thú hơn chúng ta lắm không ? như thế gọi là thân-túc-thông 神足通. Ấy năm điều tôi nói ở trên gọi là ngũ-thông 五 - ; ở trong phép Phật, đã được năm món thần-thông ấy, thì so với các vị thần tiên rất cao cũng đã hơn nhiều lắm rồi, nếu lại thêm món lậu-tận-thông 漏盡通 nữa, gồm là lục-thông 六 - . Hạng lục thông ấy, phải tới cõi La-hán đặc đạo mới có thể hoàn-toàn được. Lậu-tận-thông 漏盡 - là cái gì ? tức là bực tu đã tới cõi không còn một chút phiền-não về tham 貪 sản 嗔 si 癡 nào nữa, mà những công-đức giới 戒 định 定 tuệ 慧 thì đều đầy đủ hết Song, những đạo-lý ấy thì rất là cao thâm, nói cũng không thể sao cho xiết được, cho nên tôi nói đại-khái đó thôi.

Nói tóm lại, những cái kỳ lạ trong sáu món thần-thông ấy, bất quá chỉ là một hai phần trong nghìn muôn phần mà thôi. Anh em chị em nghe thế cũng đã lấy làm lạ lùng lắm rồi, vì rằng xưa nay chưa từng nghe thấy thế bao giờ, nên lại càng lấy làm lạ lắm.

Trên kia tôi đã nói qua các cái sung sướng ở cõi tây-phương Cực-lạc rồi, nay tôi lại xin đem các cái khổ sở ở cõi đời chúng ta mà nói qua cho anh em chị em nghe : Cái cõi đời chúng ta đây là một cõi đời cực khổ, chúng ta phần nhiều cứ vờ vờ qua ngày, không chịu ngẫm nghĩ, cho nên không biết rằng khổ. Nay tôi đem các cái khổ nói cho anh em chị em nghe.

Cái khổ thứ nhất là lúc còn ở trong bụng mẹ, và lúc mới sinh, khi đờn trẻ còn ở trong bụng mẹ, mẹ ăn một thứ gì lạnh, thì con bị rét như kè bề băng ; mẹ ăn thức gì nóng, thì con bị nóng như gần núi lửa ; khi mẹ ăn no, thì con bị dè như tòa núi ép ; đến khi sinh nở, thì con bị ép như hai quả núi kẹp lại mà tổng ra, cái nỗi đau đớn lúc bấy giờ thật là nói không xuể được, cho nên khi con trẻ mới lọt lòng ra là chỉ có một vị khác thôi, Những duyên cơ ấy, chẳng qua đến lúc lớn lên liền quên bẵng hết, cho nên không ai hiểu được thôi, cái nỗi khổ ấy gọi là sinh khổ 生苦. Cái khổ thứ hai là chúng ta đây, đều là cha mẹ sinh ra, ăn loài ngũ-cốc, lại thêm khi giờ lúc nóng lúc lạnh cho nên không ai thoát được nỗi ốm đau. Mỗi người một bệnh, mỗi bệnh mỗi khổ, cái đó ai ai cũng hiểu, chẳng qua khi bệnh khỏi rồi, liền quên mất những nỗi đau đớn lúc ốm đau đó thôi. Cái nỗi khổ ấy gọi là bệnh khổ 病苦. Cái khổ thứ ba tức là cái khổ về cảnh già. Những người ở trên cõi đời này hễ ai chưa đến tuổi, già mà chết, thì người đời mĩa là chết non là khổ nạn, không biết rằng đến tuổi già, chỉ có những khổ là khổ mà thôi. Như muốn xem cái gì, mắt đã lóa toét, muốn nghe tiếng gì, tai đã điếc lói, muốn ăn cái gì, răng đã mòn chụi, muốn đi đến đâu, gối đã lỏng lẻo, ngồi thuyền ngồi kiệu, cũng thấy mệt nhọc, biết bao nhiêu nỗi không được tự-do, thật là kể ra khôn xiết, cái nỗi khổ ấy gọi là lão - khổ 老苦. Điều thứ tư là chết, một người đến lúc chết, thật là cực khổ, chẳng qua người đã chết rồi, không thể nói được, cho nên người ngoài không hiểu được cái nỗi khổ ấy thôi. Ta xem ngay một người sắp chết, phần nhiều lưỡi cứng đờ ra, thổ như róc ra chân tay dờ dãn, muốn cựa cũng không cựa được, lăn lộn trên giường, suốt mình đau rức, muốn nuốt xuống không nuốt được, muốn thở ra không thở được, tứ-chi-bách-mạch, chỗ nào cũng khó chịu, muốn chết cũng không chết được ngay. Những tình

hình ấy, thật là chua xót chứa chan. Và lại, còn bao nhiêu việc chưa liệu lý song, muốn dặn dãn sau, thì tình thần mê mẩn không sao nói được tỏ tường; có kẻ cũng còn tỉnh táo, nhưng miệng thì muốn nói mà cổ đã nghẹn rồi, không nói được nữa, trông thấy các người trong nhà, trong lòng thật là như cắt; nếu là bệnh cấp, hay là bị tai biến bất thường thì lại càng có lắm nỗi dờ dang: nói không xiết nữa, cái nỗi khổ ấy, gọi là tử-khổ 死 苦 (còn nữa)

Phật-học với sự thực-tế

(Tiếp theo số 157)

Tóm lại, trong các vấn đề thuộc về tư-tưởng nhà Phật đều có khác nhau trong các phần huyền-nghĩa tùy từng thời đại, tùy từng địa phương. Có khi cùng là cái tên, Đạo-Phật giống nhau mà ta thấy có lắm sự mâu thuẫn rành rành. Quan niệm về Pháp của Đại-thừa, ở trong mọi xứ không những chỉ là tư-tưởng riêng của Phật mà lại gồm cả nhiều nghĩa rất lý-học và lại liên lạc với cả cái chân-lý của vũ-trụ. Còn về Tăng-già, một bên thì nói là nó chỉ gồm có những người tu hành thực-thụ thôi, và một bên thì nói là Tăng-già gồm suốt cả những người tin. Và lại, lại có người tin rằng Tăng-già là gồm những vị tỷ-khâu, lại còn có người cho rằng Tăng-già là sự thực hành của người tu hành, hay là những kết quả của sự thực-hành này. Vậy quan niệm đối với Tăng-già của mỗi người một khác; những người kể sau này lại còn nói một cách lý-tưởng nữa là: «Tăng gia, người tu hành, không cần phải nhận đồ cúng dàng và không cần tìm thú vui của sự uống và sự ăn». Một phái tiểu-thừa xưa có nói rằng Phật là một nguyên-tắc của Tăng-già (phái Mahisaçaka); nên bấy giờ phái Sarvastivada, và nhiều người khác nữa phản đối nói rằng Phật và Tăng-già là hai vật khác hẳn, và nếu người ta nhầm hai vật làm một thì chẳng hóa ra không có tam-bảo nữa sao. Ngay trong sự định nghĩa cho chữ Tăng-già cũng có nhiều sự khác nhau, dấu rằng nó không quan trọng bằng Phật và Pháp. Trong sự nghiên-cứu hiện thời, tôi sẽ cố giải bày hết những sự giải nghĩa của chữ

Tam-bảo theo từng vùng và từng thời.

Phật, Pháp, và Tăng, là ba nguyên-tác có một cái liên-lạc mật-thiết. Từ lâu, ba ngôi này vẫn được bình phẩm riêng; nhưng sự thực thì trong Đại-Thừa có kinh nói rằng Tam-bảo là những ngôi không thể đòi nhau được; ngôi nọ dựa lẫn ngôi kia. Trên tôi đã nói rằng có một phái coi Phật như một trong những phần của Tăng-già, cứ theo như sự-tích truyền lại thì Phật và Tăng-già không thể coi như là hai ngôi phân biệt được. Khi Phật thuyết-pháp lần đầu, ngài có ngay được năm vị đồ-đệ. Tất cả mọi kinh đều nhận thấy như vậy và đều nói rằng: «Bây giờ chúng ta có sáu vị đại-trí-tuệ». Vậy thì, đâu có nói rằng Tăng-già gồm cả Phật nữa cũng không phải là điều nói sảng, đâu rằng không được coi như một vị thiên-thần, nhưng Phật chỉ là một trong sáu vị hiền-triết thì đó cũng là một cái đặc-tính của Đạo Phật vậy. Những kinh cổ xưa có nói rằng Phật cũng sinh ra như người, được nuôi nấng cũng như người, rồi thành người-Phật (người-giác) và không có kinh nào cho ngài là một vị thiên-thần cả. Có một quyển kinh nói rằng ngài chỉ là một hội viên của Tăng-già và ngài không có một ý định nào là bát Tăng-già phải tôn ngài là vị giáo-chủ. Về những thời kỳ sau này, địa vị của Phật mới cao dần lên, nhất là lúc các chùa được sung-túc giàu-có, và vì vậy mà Tăng-già mới hạ cái địa vị của mình xuống để làm phân biệt với ngôi Phật. Chính vậy mà những vị đệ-tử của Phật, bọn Sravaka, là những người quan trọng trong Tăng-già, mới đem bỏ cái địa-vị cùng với Phật của họ, tự coi như là những người kém xa Phật. Vậy ta có thể kết luận rằng, các phần của Tam-bảo và sự phân-biệt Phật với Tăng-già là một quan niệm của đời sau này.

Trong cái nghĩa thật hẹp của chữ, và cứ theo mấy đoạn sử trên, thuyết ba ngôi Phật, Pháp và Tăng-già, không phải là những lẽ chắc-chắn mà ta có thể xét được nơi-nhân giả của Đạo-phật. Song sự xét đoán này chỉ là một điều tiêu dẫn cho các độc giả của tôi, và theo lối thực-hành tôi sẽ theo ba cái điều này mà diễn giảng.

Tôi vừa mới nói cái liên-lạc mật-thiết của Phật và Tăng-già. Còn những liên-lạc của Phật và Pháp cũng quan-trọng

lắm. Nếu ta chỉ xét rằng Phật là một động vật thuộc giống người, sống ở Ấn-độ, trước kỷ nguyên Thiên-chúa năm thế-kỷ, và Pháp là những tư tưởng của ngài, những giáo-lý của ngài, thì câu truyện sẽ giải-quyết dễ-dàng ngay. Ta có thể nói rằng Phật giảng ra Pháp, và Phật tức là cha Pháp. Nếu không có Phật thì ta không thể có được những tư-tưởng của ngài. Nên tôi muốn các độc-giả của tôi phải chú ý vào điều này. Cái nghĩa mâu-thuẫn này sinh ra là do sự tiến hóa của phần huyền-nghĩa cho Pháp. Khi Phật chết, phần đông tín-đồ hay đứng trước di-hài của ngài mà cầu nguyện, và ta cũng nhận thấy rằng, cây Bồ-đề mà Phật chứng quả chính giác ở dưới bóng cây ấy, cũng là cái biểu hiệu của Pháp (Darmaçakra) đều là những vật kinh cần cả. Phật đã nói cây Bồ-đề là biểu hiệu cho sự giác-ngộ và Dharmaçakra là biểu hiệu cho Pháp. Sau khi Phật chết, phần nhiều các tín-đồ đều cho Pháp, hay những tư-tưởng của Phật là cái nguồn kỷ-niệm, hay hơn nữa là món ăn cần dùng cho sự an-ủi Pháp, những lời của Phật sau đã trở nên một vật cần cho cái tâm tôn-giáo; tùy theo từng trường-hợp của đời Phật, những lời nói ấy đã được công nhận là một cái chân-lý vĩnh-viễn, và những lý-tưởng của ngài, Pháp đã trở nên những vật tuyệt-đối. Trái hẳn với điều Phật nói, và dẫu rằng ngài không đầy những tư-tưởng của ngài vào một sự huyền-nghĩa tuyệt đối, các đồ-dệ của ngài đã giết chết mất phần dễ-uốn mềm-mại của Đạo-Phật và đem nó vào một ngõ hẻm. Trở nên thiêng-liêng và bị chôn xâu trong giới lý-học, Pháp đã thành bất-động không nghĩ tới cái bản-thể của Phật nữa. Vì lẽ này nên ta phải tìm Phật ở trong Pháp, trước nhất, và ta phải khuyến hóa cho dân gian sự bành trướng và sự tuyên truyền Pháp-tạng, Pháp là «mẹ Phật». Đây thuyết này lại phá đổ hẳn thuyết Phật và Pháp. Vậy, Pháp đã trở lên một chân lý bao quát cả vũ-trụ và một sự thực-tuyệt đối, trong cái liên-lạc của nó với Phật thì gọi là Dharmakaya hay Dharmatva; Phật và Pháp phải nối liền lại, vậy Tam-bảo mất hẳn cái lý của nó. Nếu Pháp là «mẹ Phật» và Phật là Dharmatva, thì ngôi Tam bảo mất hẳn. Nhưng sự không có này chỉ là quan-niệm tiến-hóa của các nhà học giả về đời sau. Đây tôi sẽ nói rõ những lý-thuyết coi Phật và Pháp là những

vật phân biệt và khác hẳn.

Cốt nhiên là Pháp và Tăng-già phải có liên lạc với nhau, và mặc dầu sự biến cải của mọi quan-niệm, hai phần này không thể rời nhau được. Tăng-già tức là người học Pháp, những người bàn luận Pháp. Đã mất Phật, thì Pháp chỉ có thể dựa vào Tăng-già mới thực-tế được. Lại có khi Tăng-già nghĩa là hòa-bình, là cộng tác, và cứ trong cái trường hợp này, thì Tăng-già vẫn hoàn toàn hòa hợp với Pháp; vậy, ta có thể nói là Tăng-già và Pháp đã nối liền với nhau. Ta sẽ không thể nói rằng là có Tam-bảo được nữa Thật vậy, nếu ta nghiên cứu Tam-bảo về phương diện lịch-sử và triết-học thì ba phần này nối liền với nhau không thể rời nhau được, thuyết này thế nào cũng sẽ ngăn trở cho Đạo-Phật Đại-thừa, nhưng Tam-bảo là cái đối-tượng trong sự lễ-bái, cần thiết cho Đạo-Phật, đã sinh ra một sự tín cần như vậy, đã ăn sâu vào trong tâm người Phương đông rồi; ta phải căn cứ vào ba ngôi ấy mà quy y.

Đã nói rằng Tam-bảo là gồm ba cái lý chắc chắn của Đạo-Phật, và Tam-bảo là một tôn-giáo nối liền, thì trước hết ta cũng cần phải trọng sự «quy y» ở ba vật báu ấy. Và lại Đạo-Phật đã gồm cả phương diện triết-học lẫn tu-tướng học, thì ta cần phải công nhận sự quy-y Pháp. Hơn nữa, Đạo-Phật lại bắt buộc ta phải thực hành thì ta cũng phải biết đến Tăng-già. Cứ trong cái nghĩa này, thì Tam-bảo không những chỉ có ích cho phần huyền-nghĩa cho Đạo-Phật mà thôi, nó lại là một cái thí dụ đáng mong đầy sự thí nghiệm của sự sinh-hoạt loài người nhất là cho những người nghiên cứu tôn-chỉ nhà Phật bằng sự hoan-hỷ, bằng cái tâm nhiệt thành. Đối với tôi thì Tam-bảo là cái đối-tượng của sự quy-y của tôi. Cũng như các bậc tiền-bối, tôi rất trông mong ở Tam-bảo, và tấm lòng ước mong này, tấm lòng tin cậy này không phải là hướng vào ba ngôi ấy coi như những vật đề cúng thờ, mà chỉ hướng vào sự cảm ứng, sự thấu triệt được cái nghĩa sâu-xa và chân-thật của Tam-bảo thôi.

(còn nữa)

Nghiêm-văn-Hội

**Phương danh các vị thiện-tín ở Hoàng-mai
cúng về việc tô tượng Đức Di-đà**

Nguyễn thị Loan	1.00	Nguyễn thị Khiên	1.00
Nguyễn thị Tô	1.00	Nguyễn thị Nghị	1.00
Nguyễn thị Ấp	1.00	Nguyễn thị Mão	1.00
Nguyễn thị Thảo	1.00	Nguyễn thị Mùi	0.50
Nguyễn thị Kỳ	1.00	Nguyễn thị Nhàn	0.50
Nguyễn thị Sốt	2.00	Nguyễn thị Độ	0.50
Nguyễn thị Nhữ	1.00	Nguyễn thị Thịnh	0.20
Nguyễn thị Cồn	1.00	Nguyễn thị Đoan	0.50
Nguyễn thị Ngàn	1.00	Nguyễn thị Dun	0.30
Nguyễn thị Tỉnh	1.00	Nguyễn thị Tâm	0.50
Nguyễn thị Dư	1.00	Nguyễn thị Kham	0.50
Nguyễn thị Tinh	1.00	Nguyễn thị Thư	0.30
Nguyễn thị Lăng	1.00	Nguyễn thị Lễ	0.20
Nguyễn thị Côi	1.00	Nguyễn thị Khang	0.50
Nguyễn thị Quỳnh	2.00	Nguyễn thị Căn	0.20
Nguyễn thị Ngỡ	2.00	Nguyễn thị Thưởng	0.20
Nguyễn thị Nghị	1.00	Nguyễn thị Sáu	0.10
Nguyễn thị Ngộ	1.00	Nguyễn thị Chứ	0.20
Nguyễn thị Lan	5.00	Nguyễn thị Tam	0.20
Nguyễn thị Biều	2.00	Nguyễn thị Ơ	0.20
Nguyễn thị Út	3.00	Nguyễn thị Mạn	0.20
Nguyễn thị Thanh	3.00	Nguyễn thị Định	0.50
Nguyễn thị Đoài	1.00	Nguyễn thị Nhuận	0.30
Nguyễn kim Toàn	5.00	Nguyễn thị Nghị	0.50
Nguyễn quý Cảnh	1.00	Nguyễn thị Kinh	0.50
Nguyễn văn Xuân	0.10	Nguyễn thị Liễu	0.30
Nguyễn thị Thu	2.00	Nguyễn thị Bến	0.20
Nguyễn xuân Hiền	1.00	Nguyễn thị Giảng	0.10
Nguyễn thị Vinh	1.00	Ngô thị viên	0.50
Nguyễn thị Nguyên	1.00	Ngô thị Uân	0.50
Nguyễn thị Đới	1.00	Nguyễn thị Vét	0.50
Nguyễn thị Khiết	1.00	Nguyễn thị Hồ	1.00

Cùng các vị Danh-nhân trong nước

Ngoài chùa Hội-quán Trung-ương Hội Phật-giáo Bắc-kỳ nay mai sắp hoàn-thành, vậy xin các vị danh-nhân trong nước vì Phật-pháp mà phát tâm nghĩ dùm cho chữ đề Bản Hội khắc vào câu đối và hoành-phi thờ tại chùa Hội-quán Trung-ương.

Các câu đối và hoành-phi sẽ treo thờ những nơi sau này:

Trên chính điện

- | | |
|------------------|-------------------|
| 1 Tượng Tam-thế, | 3 Tượng Thích-ca. |
| 2. — Di-Đà | 4. Nhang án nội. |

Bốn nơi này, mỗi nơi một bức hoành-phi và một đôi câu đối. (Hoành-phi thì 3 hoặc 4 chữ, câu đối thì từ 21 đến 25 chữ).

- | | |
|--------------------|-------------------|
| 5. Tượng Long-thần | 7. Tượng Quan-âm. |
| 6. — Át-nan, | 8. — Địa-Tạng. |

Bốn nơi này, mỗi nơi một bức hoành-phi và một đôi câu đối. (Hoành-phi thì 3 hoặc 4 chữ, câu đối từ 9 đến 15 chữ.

9. Tượng Hộ-pháp, một đôi câu đối từ 9 đến 15 chữ.
10. Giảng-đường, một bức hoành-phi 3 hoặc 4 chữ, và một đôi câu đối từ 21 đến 25 chữ.
11. Hiên chùa, câu đối từ 7 đến 9 chữ.
12. Tam-quan và gác chuông, một đôi câu đối từ 9 đến 15 chữ.
13. Nhà thờ Tổ, một bức hoành-phi 3 hoặc 4 chữ, và một đôi câu đối từ 15 đến 19 chữ.
14. Nơi thờ hội-viên quá-cổ, một đôi câu đối từ 7 đến 9 chữ.
15. Nhà thờ Hậu, ba bức hoành-phi có 3 hoặc 4 chữ và một đôi câu đối từ 7 đến 11 chữ.

Các ngài cho chữ vào hoành-phi hoặc câu đối thì xin đề gửi cho Cụ Chánh-hội-Trưởng Hội Phật-giáo Bắc-kỳ, (chùa Quán-sứ) 73 phố Richaud Hanoi,

Hội Phật Giáo Bắc Kỳ

HỘP THỌ

(Phương danh các vị đã trả tiền báo bằng Mandats)

Vénérable Giao-thọ Giác-minh Vĩnh long	1\$50
M.M. Nguyễn văn Trọng, Yên-bái	4.00
Nguyễn văn Cương, Kampot	2 00
Ngô văn Nhuận, Nha-trang	1 50
Phạm ngọc Thửc Phan-thiết	1 50
Châu văn Bình, Long-xuyên	3.00
Tịnh-Thiện, Lagi Phan thiết	2 00
Cao thiện Nguyễn Bắc-liêu	3.00
Nguyễn thành Thân, Cainhum	3 00



KHẨN CÁO

Không cần phải nói các ngài cũng hiểu hết những nông nổi ra đặng tờ báo tập sách bây giờ khó biết là nhường nào rồi! Đuốc-Tuệ vì cái nghĩa vụ hoàng pháp, tiền báo không tăng một chút nào, lại lo sắp đặt in toàn chữ mới, để làm món quà quý giá cho các quý độc giả. Thế mà còn có nhiều ngài đã hai ba năm nay không trả tiền cho, thật là phụ với tấm lòng trông cậy của Bản-báo không ngờ tới. Vậy Bản-báo mong rằng. Vì nào chưa giả tiền xin kíp gửi về cho

Kính cáo
ĐUỐC TUỆ